

Bản án số: 12/2020/HNGĐ - ST

Ngày 18/8/2020

“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Xuân Phú

2. Ông Vàng Seo Say

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST - HNGĐ ngày 08/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX - ST ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Tả M- Sinh năm 1974.

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Dao.

Trú tại: Thôn Tả Ngảo, xã Bản Quang, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt

Bị đơn: Anh Lò Chòi T- Sinh năm 1966.

Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Dao.

Trú tại: Thôn Tả Ngảo, xã Bản Quang, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Tả M trình bày:

Tôi và anh Lò Chòi T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tìn nghiện hút ma túy, không tu chí làm ăn để cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm tới vợ con, đã nhiều lần tôi động viên, khuyên giải nhưng anh Tìn không thay đổi, mà còn chửi mắng, đánh đập tôi, mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 9 năm 2019 đến nay tôi và anh Tìn đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Đến nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Chòi T.

Về con chung: Tôi và anh Tìn có hai con chung: Cháu lớn là Lò Văn M, sinh ngày 16/01/1996 và cháu Lò A S, sinh ngày 11/10/2005. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò A S đến khi cháu đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 500.000đồng/ tháng cho đến khi cháu san đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lò Tả M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Lò Chòi T trình bày:

Về thời gian, địa điểm, quá trình chung sống vợ chồng và con chung đúng như chị Lò Tả M trình bày. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Nay chị M làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, tôi hoàn toàn nhất trí. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và chị Mầy có hai con chung: Cháu lớn là Lò Văn M, sinh ngày 16/01/1996 và cháu Lò A S, sinh ngày 11/10/2005. Khi ly hôn, tôi nhất trí để chị M là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò A S đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 500.000đồng/ tháng cho đến khi cháu San đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 14, điều 15; khoản 2 Điều 53 và các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Tả M và anh Lò Chòi T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lò A S, sinh 11/10/2005 cho chị Lò Tả M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lò Chòi T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 500.000đồng/ tháng cho đến khi cháu Lò A S đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Tả M phải chịu án phí ly hôn, anh Lò Chòi T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lò Tả M và anh Lò Chòi T đều cư trú tại xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Tả M và anh Lò Chòi T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T. Xét thấy thời điểm anh T và chị M bắt đầu chung sống với nhau, hai người đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000, nhưng cho đến nay chị M và anh T cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lò Tả M và anh Lò Chòi T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị M và anh T đều xác nhận có hai con chung: Cháu lớn là Lò Văn M, sinh ngày 16/01/1996 và cháu Lò A S, sinh ngày 11/10/2005. Cháu M đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên các đương sự không đề nghị giải quyết là phù hợp, còn cháu San còn nhỏ đang sống phụ thuộc vào bố mẹ nên khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò A S đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Lò A S đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Tả M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn); Anh Lò Chòi T phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Tả M và anh Lò Chòi T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lò A S, sinh ngày 11/10/2005 cho chị Lò Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Anh Lò Chòi T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 500.000đồng/ tháng cho đến khi cháu Lò A S đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lò Tả M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng anh Lò Chòi T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Lò Tả M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003423 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát. Chị Lò Tả M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Lò Chòi T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện;
- Các đương sự 2;
- UBND xã Bản Quang;
- THADS;
- Lưu HS, VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Xuân Phú Vàng Seo Say Nguyễn Thị Minh Đức

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện
- Các đương sự 2;
- UBND xã Bản Xèo;
- THADS;
- Lưu HS, VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tần A Liều

Vàng Văn Phủ

Phạm Thị Thanh Hương